| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ H**<br>**TỈNH HƯNG YÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2020
Về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH HƯNG YÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lý.
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Bà Nguyễn Thị Hệ;
2. Ông Trần Hữu Sự.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Mạnh Quyền - Thẩm tra viên

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H*** *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 189/2019/TLST-HNGĐ ngày 19/12/2019 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 10/6/2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nông Thúy T, sinh năm 1987 - Có mặt.
HKTT: Đội XX, thôn XĐ, phường LS, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.
Địa chỉ: Thôn KC, xã HM, huyện BL, tỉnh Quảng Ninh.

**Bị đơn:** Anh Vũ Văn H, sinh năm 1989 - Vắng mặt.
HKTT: Đội XX, thôn XĐ, phường LS, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**
- Cháu Vũ Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/7/2011.
- Cháu Vũ Thành Đ, sinh ngày 20/4/2013.
Cùng HKTT: Đội XX, thôn XĐ, phường LS, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

**Người đại diện hợp pháp của cháu N, Đạt:** Chị Nông Thúy T, anh Vũ Văn H - Bố mẹ đẻ các cháu.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nông Thúy T trình bầy:*

Chị Nông Thúy T và anh Vũ Văn H đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND phường LS, thành phố H, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không

bị ai ép buộc. Sau kết hôn vợ chồng chị T ở cùng với bố mẹ anh H. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì anh H đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan đến tháng 10 năm 2015 thì về nước. Thời gian anh H ở nước ngoài, tình cảm vợ chồng xa cách, không có điều kiện quan tâm đến nhau. Khi anh H về nước thì vợ chồng cũng không hạnh phúc do vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, suy nghĩ và cách sống của hai vợ chồng khác nhau. Vợ chồng đã cố gắng vun đắp trong thời gian một năm nhưng không có kết quả gì. Tháng 10 năm 2016 thì vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa, vợ chồng cũng đã thống nhất thuận tình ly hôn. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh H nữa nên xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/7/2011 và Vũ Thành Đ, sinh ngày 20/4/2013. Chị T có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và lời khai ngày 19/12/2019, chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/1 cháu/1 tháng. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2020 chị T thay đổi quan điểm, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung vì từ khi ly thân, anh H không có trách nhiệm gì với các cháu.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích sử dụng khoảng 50m$^2$ xây trên đất của bố mẹ chồng, ngoài ra không còn tài sản chung nào khác và cũng không có nợ chung. Do nhà xây trên đất của bố mẹ đẻ anh H nên chị T và anh H sẽ tự thỏa thuận, chị T không đề nghị giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Vũ Văn H không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập. Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương đến nhà nhưng do anh H đi làm, không có mặt ở nhà. Vì vậy không thể tiến hành lấy lời khai của anh H được.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Vũ Thị Quỳnh N trình bầy:*

Khi bố mẹ còn chung sống với nhau, cháu thấy bố mẹ hay cãi nhau, còn lý do vì sao thì cháu không biết. Thời gian bố cháu đi nước ngoài thì mẹ và ông bà nội chăm sóc chị em cháu. Khi bố mẹ không ở với nhau thì bố không quan tâm, chăm sóc chị em cháu, bố cũng không đưa tiền cho ông bà nội nuôi chị em cháu. Mẹ cháu đi làm xa thường xuyên về thăm và đưa tiền cho ông bà nội nuôi chị em cháu. Nay mẹ xin ly hôn bố, cháu đồng ý vì cháu thấy bố không thương yêu mẹ con cháu. Cháu xin được ở với mẹ vì bố không thương yêu và không có trách nhiệm gì với chúng cháu.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Vũ Thành Đ trình bầy:*

Cháu còn nhỏ không biết chuyện gì của bố mẹ, cháu chỉ biết bố thường xuyên đi vắng, không ở nhà với mẹ con cháu, còn bố đi đâu thì cháu không biết. Khi mẹ đi làm xa thì ông bà chăm sóc chị em cháu. Cháu xin ở với mẹ vì bố thường xuyên vắng nhà.

Quá trình giải quyết do anh H không đến Tòa án làm việc nên không thể tiến hành hòa giải được.

Phiên tòa ngày 29 tháng 6 năm 2020, bị đơn anh Vũ Văn H vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn chị Nông Thúy T giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy trên.

* Bị đơn anh Vũ Văn H vắng mặt không có lý do.

* Quan điểm của đại diện VKSND thành phố H:

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố H đã thực hiện nghiêm chỉnh trình tự thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

+ Về nội dung: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 70, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thúy T được ly hôn anh Vũ Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/7/2011 và Vũ Thành Đ, sinh ngày 20/4/2013 cho chị Nông Thúy T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H đóng góp tiền nuôi con chung. Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nông Thúy T yêu cầu giải quyết ly hôn anh Vũ Văn H, sinh năm 1989, HKTT: Đội XX, thôn XĐ, phường LS, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn anh Vũ Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nông Thúy T kết hôn với anh Vũ Văn H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Lam Sơn, thành phố H, tỉnh Hưng Yên ngày 17/9/2010. Như vậy hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T ở cùng bố mẹ đẻ anh H. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2013 thì anh H đi lao động ở Đài Loan đến tháng 10 năm 2015 thì về nước. Theo chị T thì trong thời gian anh H ở nước ngoài, do xa cách nên không có điều kiện quan tâm đến nhau. Khi anh H về nước thì vợ chồng cũng không hạnh phúc do vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, suy nghĩ và cách sống của hai vợ chồng khác nhau.

Tuy nhiên về mâu thuẫn vợ chồng chị T được ông Phạm Quang Đ - Bố đẻ anh H cung cấp: Vợ chồng chị T xảy ra mâu thuẫn cách đây khoảng 03 năm, nguyên nhân do anh H đi làm xa nhà, sống không chung thủy, có quan hệ với người khác. Bản thân anh H cũng nghi ngờ chị T không chung thủy. Hai anh chị có xảy ra xích mích, thời gian gần đây anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa (BL từ 28 - 30).

Từ những chứng cứ trên xác định vợ chồng chị T, anh H xảy ra mâu thuẫn từ sau khi anh H đi xuất khẩu lao động về. Nguyên nhân là do anh H đi làm xa nhà nên vợ chồng không có điều kiện quan tâm đến nhau, vợ chồng còn nghi ngờ lẫn nhau có quan hệ ngoại tình. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Cả hai anh chị đã cố gắng nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Tại Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn do chị T cung cấp kèm theo đơn khởi kiện có ghi: "Nay chúng tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố H công nhận thuận tình ly hôn với lý do. Do thời gian qua chúng tôi đã không còn tình cảm với nhau, dù đã có khoảng thời gian suy nghĩ và cố gắng nhưng đến nay chúng tôi đã quá mệt mỏi với cuộc hôn nhân này, chúng tôi không thể tiếp tục ở với nhau được nữa…" (BL số 01). Như vậy xác định mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh H đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc chị T xin được ly hôn anh H là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung:

Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/7/2011 và Vũ Thành Đ, sinh ngày 20/4/2013. Chị T có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu, nguyện vọng này của chị T phù hợp với nguyện vọng của cháu N và cháu Đ. Mặc dù không lấy được lời khai của anh H nhưng tại Đơn yêu cầu thuận tình ly hôn do chị T cung cấp thì anh chị đã thỏa thuận giao cả hai cháu cho chị T nuôi dưỡng. Mặt khác hiện tại anh H đi làm ăn xa, mỗi tháng chỉ về nhà một, hai lần nên không có điều kiện chăm sóc con cái chu đáo. Bản thân cháu N xác nhận anh H không quan tâm và không có trách nhiệm với chị em cháu. Vì vậy sẽ giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Nếu sau này anh H có nguyện vọng được nuôi con chung thì sẽ giải quyết bằng vụ án về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Anh H không trực tiếp nuôi con chung nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và lời khai ngày 19/12/2019, chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/1 cháu/1 tháng. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2020 chị T thay đổi quan điểm, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy hiện tại chị T mở quán bán hàng ăn, thu nhập trung bình 15.000.000 đồng/tháng, với thu nhập này chị T đảm bảo được việc nuôi dưỡng các cháu. Mặt khác việc chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của chị T nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung:

Theo chị T trình bầy thì vợ chồng có 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích sử dụng khoảng 50m$^2$ xây trên đất của bố mẹ chồng, ngoài ra không còn tài sản chung nào khác và cũng không có nợ chung. Vợ chồng chị T sẽ tự thỏa thuận về tài sản chung nên chị T không đề nghị giải quyết. Mặc dù không lấy được lời khai của anh H nhưng tại Đơn yêu cầu thuận tình ly hôn, cả hai anh chị đã xác định về tài sản chung và quan điểm giải quyết như chị T đã trình bầy trên. Bà Hoàng Thị Phượng - Mẹ đẻ anh H cũng xác nhận vợ chồng chị T xây nhà trên đất của vợ chồng bà nhưng bà không đề nghị giải quyết, nếu sau này có tranh chấp thì bà sẽ đề nghị giải quyết sau. Vì vậy sẽ không xem xét về tài sản chung của vợ chồng chị T, anh H. Nếu sau này anh chị không thỏa thuận được, có đơn yêu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

**Tuyên xử:**

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thúy T được ly hôn anh Vũ Văn H.

**2.** Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/7/2011 và Vũ Thành Đ, sinh ngày 20/4/2013 cho chị Nông Thúy T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Anh Vũ Văn H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị Nông Thị Tươi cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

**3.** Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H phải đóng góp tiền nuôi con chung.

**4.** Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

**5.** Về án phí: Chị Nông Thúy T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001040 ngày 19/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Chị T đã nộp án phí.

**6.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***
*- VKSND TP.H;*
*- Các đ- ơng sự;*
*- TA tỉnh H- ng Yên;*
*- THA dân sự TP.H;*
*- L- u hồ sơ.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nguyễn Thị Lý***